

**BÁO CÁO**  
**Giá thị trường tháng 7 năm 2024 trên địa bàn tỉnh An Giang**

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường.

Sở Tài chính báo cáo tình hình giá thị trường tháng 7 năm 2024 trên địa bàn tỉnh An Giang, cụ thể như sau:

**I. Tổng quan về tình hình thị trường, giá cả tháng 7 năm 2024**

**1. Mặt bằng giá thị trường và diễn biến mặt bằng giá thị trường hàng hóa, dịch vụ trong nước:**

Theo Báo cáo của Bộ Công thương, thị trường hàng hóa trong nước tháng 7/2024 không có biến động lớn. Do là tháng cao điểm của mùa hè nên nhu cầu đối với các dịch vụ du lịch, nghỉ dưỡng tăng cao. Nguồn cung các mặt hàng, nhất là các hàng hóa thiết yếu luôn được bảo đảm (*nguồn Tạp chí Công Thương điện tử*).

**2. Nguyên nhân biến động mặt bằng giá thị trường, giá hàng hóa, dịch vụ trong nước:**

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 7/2024 tăng 1,4% so với tháng trước và tăng 9,4% so với cùng kỳ năm trước nhờ đóng góp tích cực của ngành du lịch. Nhìn chung, thị trường trong nước tiếp tục duy trì mức tăng trưởng khá cao, có xu hướng tăng dần từ đầu năm đến nay; mặt bằng giá cả cơ bản ổn định, nguồn cung các mặt hàng thiết yếu được đảm bảo (*nguồn Tạp chí Công Thương điện tử*).

**3. Diễn biến chỉ số giá tiêu dùng (CPI) trên địa bàn tỉnh An Giang:**

**a) Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và Đô la Mỹ trên địa bàn tỉnh**

Theo Báo cáo số 500/BC-CTK ngày 26/7/2024 của Cục Thống kê về phân tích tình hình giá cả thị trường tỉnh An Giang tháng 7 năm 2024, diễn biến chỉ số tiêu dùng (CPI) trên địa bàn tỉnh An Giang, như sau:

Stt	Nhóm hàng	Chỉ số giá tháng 07/2024 so với				
		Kỳ gốc năm 2019 (%)	Cùng tháng năm trước (%)	Tháng 12 năm trước (%)	Tháng trước (%)	Bình quân cùng kỳ (%)
	<b>Chỉ số giá tiêu dùng</b>	117,72	105,24	101,92	100,17	105,25
I	Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	129,59	106,90	102,47	99,82	108,28
	<i>Trong đó:</i>					
	1. Lương thực	150,00	120,01	99,85	99,66	121,05
	2. Thực phẩm	123,14	104,43	103,48	99,73	104,33
	3. Ăn uống ngoài gia đình	132,57	106,15	101,96	100,00	109,88
II	Đồ uống và thuốc lá	116,54	108,10	103,38	100,08	107,45
III	May mặc, mũ nón, giày dép	106,35	103,56	101,63	100,01	104,51
IV	Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD	111,75	104,39	101,00	99,85	102,84
V	Thiết bị và đồ dùng gia đình	106,73	101,45	101,56	100,16	101,79
VI	Thuốc và dịch vụ y tế	116,59	112,38	100,13	100,02	112,46
	<i>Trong đó: Dịch vụ Y tế</i>	118,63	114,76	100,00	100,00	114,76
VII	Giao thông	111,27	103,56	102,97	101,75	102,45
VIII	Bưu chính viễn thông	104,95	99,99	100,00	100,00	100,01
IX	Giáo dục	114,33	101,98	100,09	100,00	96,34
	<i>Trong đó: Dịch vụ giáo dục</i>	116,49	101,53	100,07	100,00	94,62
X	Văn hóa, giải trí và du lịch	106,76	101,18	101,43	99,67	102,74
XI	Hàng hóa và dịch vụ khác	117,11	106,63	106,22	105,24	105,42
	<b>Chỉ số giá vàng</b>	189,61	132,40	121,87	102,74	123,76
	<b>Chỉ số giá đô la Mỹ</b>	109,58	107,07	104,32	100,61	105,40

***b) Phân tích diễn biến CPI và thực trạng, nguyên nhân của các yếu tố tác động đến CPI trên địa bàn tỉnh.***

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 07/2024 tăng nhẹ (+0,17%) so với tháng 06/2024 (chủ yếu do xăng, dầu tăng), tăng 1,92% so với tháng 12/2023 và tăng 5,24% so với cùng kỳ năm trước.

Nguyên nhân chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 7/2024 tăng 0,17% so với tháng 06/2024 (khu vực thành thị tăng 0,23%, khu vực nông thôn tăng 0,12%) do trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính, có 6 nhóm hàng tăng giá so với tháng trước, 3 nhóm hàng giảm giá và 2 nhóm hàng ổn định. Trong 6 nhóm hàng tăng giá, nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 5,24% (do tăng mức đóng BHYT theo lương cơ sở mới), giao thông tăng (+1,75%), các nhóm còn lại như: Đồ uống và thuốc lá; may mặc, mũ nón và giày dép tăng; thiết bị và đồ dùng gia đình; thuốc và dịch vụ y tế tăng không đáng kể (dưới mức tăng chung). Ở chiều ngược lại, 3 nhóm hàng giảm giá (gồm: ăn và dịch vụ ăn uống; nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng; văn hóa, giải trí và du lịch) giảm từ 0,1-0,3%.

**4. Thống kê mức giá hàng hóa, dịch vụ:** theo Bảng giá thị trường 07/2024 trên địa bàn tỉnh An Giang đính kèm.

## **II. Diễn biến giá thị trường của một số hàng hóa, dịch vụ thiết yếu**

Thị trường hàng hoá trên địa bàn tỉnh An Giang tháng 7/2024 tương đối ổn định, đáp ứng nhu cầu sản xuất, tiêu dùng cho Nhân dân, không xảy ra tình trạng sốt hàng hay tăng giá bất hợp lý làm bất ổn thị trường, cụ thể:

### **1. Lương thực - thực phẩm:**

- Giá bình quân mặt lương thực: giá lúa (thóc tẻ) mua tại ruộng đối với Lúa Đài thơm 8 là 7.190 đồng/kg, lúa OM 18 là 7.100 đồng/kg, lúa IR 50404 là 6.950 đồng/kg (giảm 200 đồng/kg so với tháng 06/2024, tương đương 2,8%); gạo tẻ thơm Jasmine là 19.000 đồng/kg, gạo tẻ Hương Lài là 20.000 đồng/kg, gạo tẻ trắng thông dụng là 16.700 đồng/kg (giảm 159 đồng/kg so với tháng 06/2024, tương đương 0,94%).

- Giá bình quân mặt hàng thực phẩm so với tháng 06/2024: giá thịt lợn hơi là 63.817 đồng/kg, tăng 1.517 đồng/kg (tương đương 2,43%); giá thịt lợn nạc thăn là 125.550 đồng/kg, tăng 550 đồng/kg (tương đương 0,44%); giá thịt bò thăn: 232.000 đồng/kg, giảm 13.000 đồng/kg (tương đương 5,31%); thịt bò bắp: 200.000 đồng/kg, giảm 10.000 đồng/kg (tương đương 4,76%); gà ta: 122.400 đồng/kg, giảm 1.075 đồng/kg (tương đương 0,87%); gà công nghiệp: 77.450 đồng/kg, giảm 2.800 đồng/kg (tương đương 3,49%); cá quả (cá lóc nuôi): 51.550 đồng/kg, giảm 1.450 đồng/kg (tương đương 2,74%); cá chép: 57.200 đồng/kg, giảm 800 đồng/kg (tương đương 1,38%); tôm thẻ chân trắng: 189.000 đồng/kg, giảm 500 đồng/kg (tương đương 0,26%); bắp cải trắng: 14.100 đồng/kg, giảm 886 đồng/kg (tương đương 5,91%); cải xanh: 15.000 đồng/kg, giảm 1.000 đồng (tương đương 6,25%); bí xanh: 17.850 đồng/kg, tăng 850 đồng/kg (tương đương 5%); cà chua: 32.100 đồng/kg, giảm 1.850 đồng (tương đương 5,45%); giò lụa 180.000 đồng/kg, giảm 1.000 đồng/kg (tương đương 0,55%); đường cát trắng tinh luyện 29.000 đồng/kg; đường cát trắng nguyên: 23.000 đồng/kg (giá không đổi so với tháng 06/2024).

### **2. Vật tư nông nghiệp:**

- Giá bình quân của một số mặt hàng vật tư nông nghiệp so với tháng 06/2024 có biến động tăng, giảm, cụ thể: Phân đạm Urê Cà Mau: 10.730 đồng/kg, tăng 530 đồng/kg (tương đương 5,2%); Phân DAP Cà Mau: 17.600 đồng/kg, giảm 957 đồng/kg (tương đương 5,16%); Phân NPK Việt Nhật (16-16-8): 12.640 đồng/kg, giảm 2.360 đồng/kg (tương đương 15,73%).

- Giá bình quân thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có giá không đổi so với tháng 06/2024, cụ thể: thức ăn hỗn hợp cho heo (bao 25 kg): 550.000 đồng/bao, thức ăn cho cá tra, basa (bao 25kg): 485.000 đồng/bao.

### **3. Vật liệu xây dựng, chất đốt:**

- Giá bình quân của một số mặt hàng vật liệu xây dựng, chất đốt (mặt hàng phát sinh mới so với kỳ báo cáo tháng 06/2024): xi măng PCB 30 (xi măng POOC

LĂNG, bao 50kg): 62.000 đồng/bao, xi măng PCB 40 (xi măng An Giang, bao 50kg): 76.000 đồng/bao, xi măng PCB 50 (xi măng ACIFA, bao 50kg): 72.500 đồng/bao; thép cuộn D6 CB 240: 16.683 đồng/kg, thép cuộn D8 CB 240: 16.667 đồng/kg, thép thanh vằn D10 CB 300: 16.996 đồng/kg. Riêng các loại vật liệu xây dựng như: phi thép các loại, thép góc các loại không khảo sát được giá do hiện nay các cửa hàng trên địa bàn tỉnh không kinh doanh các mặt hàng này.

- Giá bình quân của một số mặt hàng vật liệu xây dựng có biến động tăng so với tháng 06/2024: cát vàng hạt nhỏ dùng trong xây dựng (mua rời dưới 2m<sup>3</sup>/lần tại nơi cung ứng, không phải nơi khai thác): 260.000 đồng/m<sup>3</sup>, tăng 2.500 đồng/m<sup>3</sup> (tương đương 0,97%); cát vàng hạt to dùng trong xây dựng (mua rời dưới 2m<sup>3</sup>/lần tại nơi cung ứng, không phải nơi khai thác): 318.000 đồng/m<sup>3</sup>, tăng 500 đồng/m<sup>3</sup>, (tương đương 0,16%). Riêng loại cát đen dùng trong xây dựng và cát đen đổ nền không khảo sát được giá do hiện nay các cửa hàng không có các loại cát này.

- Giá bình quân loại vật liệu xây dựng và chất đốt có giá không thay đổi so với tháng 06/2024: gạch xây: 1.370 đồng/viên, khí dầu mỏ hóa lỏng (gas SP bình 12kg): 33.188 đồng/kg.

**4. Dịch vụ y tế:** Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước: 42.100 đồng/lượt tăng 3.400 đồng/lượt (tương đương 8,79%); dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân có giá ổn định so với tháng 06/2024: 70.000 đồng/lượt.

**5. Giao thông:** Giao thông có mức giá dịch vụ ổn định so với tháng 06/2024, cụ thể: Giá trông giữ xe máy (ban ngày): 2.000 đồng/lượt, trông giữ xe ô tô xe 12 chỗ trở xuống (ban ngày): 5.000 đồng/lượt; dịch vụ vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ (tuyến Long Xuyên - Thành phố Hồ Chí Minh): 180.000 đồng/lượt; giá cước taxi (06 km đầu loại xe 4 chỗ): 14.500 đồng/km.

**6. Dịch vụ giáo dục:** Dịch vụ giáo dục có mức giá ổn định so với tháng trước, cụ thể: dịch vụ giáo dục trường mầm non công lập: 120.000 đồng/tháng; dịch vụ giáo dục trường trung học phổ thông công lập: 75.000 đồng/tháng; dịch vụ giáo dục đào tạo đại học công lập hoặc tương đương đại học công lập: 1.170.000 đồng/tháng; dịch vụ đào tạo nghề công lập (Trung cấp): 780.000 đồng/tháng.

### **III. Tình hình thực hiện công tác quản lý, điều tiết giá**

#### **1. Tình hình ban hành các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực giá:**

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá; Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá và Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ Tài chính quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường; Sở Tài chính đang tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh về dự thảo Quyết định của Ủy

ban nhân dân tỉnh ban hành một số quy định quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh An Giang phù hợp theo quy định của Luật Giá 2023 và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

**2. Tình hình triển khai chương trình bình ổn thị trường và các biện pháp bình ổn giá (nếu có):** Không phát sinh.

**3. Công tác định giá của địa phương:** Hiện nay các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đang rà soát các văn bản định giá để trình ban hành văn bản định giá mới theo quy định của Luật Giá 2023 và Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

**4. Tình hình thực hiện kê khai giá:**

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá; trong đó tại Điều 16 quy định Cơ quan tiếp nhận và đối tượng thực hiện kê khai giá: “1. ... Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công cơ quan chuyên môn, đơn vị chuyên môn trực thuộc theo ngành, lĩnh vực quản lý về hàng hóa, dịch vụ, cơ quan hành chính cấp dưới tiếp nhận văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ theo quy định tại Phụ lục V kèm theo Nghị định này. 2. Việc ban hành Danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá (sau đây gọi là Danh sách kê khai giá) được thực hiện như sau: a) ... Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công cho một cơ quan, đơn vị chuyên môn trực thuộc chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát tổng thể để tham mưu ban hành Danh sách kê khai giá thuộc thẩm quyền tiếp nhận theo thời hạn quy định tại điểm b khoản này....”. Theo đó, hiện nay Sở Tài chính đang tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh về dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành một số quy định quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh An Giang, trong đó phân công nhiệm vụ cụ thể đơn vị tiếp nhận hồ sơ kê khai giá, đơn vị chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Danh sách kê khai giá theo quy định của Luật Giá 2023, dự kiến ban hành trong tháng 09/2024 làm cơ sở triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh.

Theo số liệu tiếp nhận hồ sơ kê khai giá tại Sở Tài chính, trong tháng 07/2024 đã tiếp nhận 68 hồ sơ, trong đó chủ yếu là các mặt hàng như: xăng, dầu, thép, gạo...do có biến động thay đổi giá; lũy kế từ đầu năm đến nay đã tiếp nhận 543 hồ sơ kê khai giá.

**5. Công tác kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về giá:**

Căn cứ Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá; Sở Tài chính đang tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh về dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành một số quy định quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh An Giang, trong đó phân công nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị thực hiện việc kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh An Giang.

Ngoài ra, theo báo cáo của Cục Quản lý thị trường tỉnh An Giang, trong tháng đã kiểm tra về lĩnh vực giá phát hiện 09 vụ vi phạm, xử lý 06 vụ, phạt tổng

số tiền là 4,5 triệu đồng; lũy kế 07 tháng đầu năm 2024 kiểm tra về lĩnh vực giá phát hiện 59 vụ vi phạm, xử lý xử lý 54 vụ với tổng số tiền là 45,5 triệu đồng.

#### **IV. Dự báo giá thị trường**

1. Dự báo diễn biến mặt bằng giá thị trường và giá một số hàng hóa, dịch vụ thiết yếu và đánh giá tác động dự kiến lên CPI: Dự kiến các mặt hàng trên thị trường tương đối ổn định, không có sự biến động lớn về giá.

2. Dự kiến phương án giá điều chỉnh hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá (nếu có): Tổ chức rà soát các văn bản định giá để lập phương án giá điều chỉnh hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá theo quy định của Luật Giá 2023 và Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

#### **V. Giải pháp, biện pháp quản lý, điều tiết giá**

Theo dõi, cập nhật thông tin diễn biến giá cả thị trường trên địa bàn tỉnh; phối hợp với các sở, ngành và địa phương chủ động trong công tác quản lý, kê khai, niêm yết và công khai thông tin về giá các mặt hàng theo chức năng nhiệm vụ được giao. Trong trường hợp có biến động lớn về giá, căn cứ quy định tại Luật Giá, Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện các biện pháp bình ổn giá theo quy định của pháp luật.

Trên đây là tình hình giá cả thị trường và công tác quản lý giá tháng 07/2024 trên địa bàn tỉnh An Giang./.

#### ***Nơi nhận:***

- VP Bộ Tài chính (TPHCM);
- Cục Quản lý Giá;
- VP Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Sở CT, Cục HQ, Cục QLTT; Cục thống kê;
- Sở Tài chính các tỉnh;
- Phòng TCKH huyện, thị xã, TP;
- Ban Giám đốc Sở;
- Trung tâm TĐ&DVTC;
- Công TTĐT Sở Tài chính;
- Lưu: VT, P.GCS.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Lê Quốc Bình**